

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21-01-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh;

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2152/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 420/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 591/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Phi H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số F, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Thanh P**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số F, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Phi H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà P kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2004. Quá trình vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã và không tôn trọng nhau. Vì không muốn gia đình đổ vỡ, vợ chồng đã nhiều lần trao đổi tìm cách giải quyết mâu thuẫn để xây dựng hạnh phúc nhưng không được. Ông H xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với bà P.

Về con chung: Có 02 con chung là anh Nguyễn Trần Anh K, sinh ngày 08/8/2005 và cháu Nguyễn Trần Khôi N, sinh ngày 15/7/2012. Ly hôn, ông H đồng ý giao cháu Nguyễn Trần Khôi N cho bà Trần Thị Thanh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Nguyễn Trần Anh K đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh P đã được Tòa án triệu tập để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày về nội dung vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Phi H ly hôn bà Trần Thị Thanh P.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Khôi N, sinh ngày 15/7/2012 cho bà Trần Thị Thanh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời, ông Nguyễn Phi H không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung anh Nguyễn Trần Anh K đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Ông Nguyễn Phi H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo biên bản xác minh ngày 28/10/2024 tại Công an phường H, thành phố B thì bị đơn bà Trần Thị Thanh P cư trú tại 67/17, khu phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập các đương sự để tham gia phiên tòa nhưng ông H có đơn xin vắng mặt, bà P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Ông H và bà P kết hôn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường T, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2004. Vì vậy, căn cứ các Điều 9, 11, 12, 13 và 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa ông H và bà P là hợp pháp. Theo ông H, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, ông H không còn tình cảm nên xin ly hôn với bà P.

Theo kết quả xác minh ngày 28/10/2024 tại UBND phường H, thành phố B thì địa phương không biết được mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà P. Tuy nhiên, các đương sự đã được Tòa án triệu tập để hòa giải đoàn tụ nhưng ông H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, bà P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, có cơ sở chứng minh ông H đã cương quyết ly hôn; bà P bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những nhận định trên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho ông H được ly hôn với bà P.

- Về con chung: Ông H và bà P có 02 con chung là anh Nguyễn Trần Anh K, sinh ngày 08/8/2005 và cháu Nguyễn Trần Khôi N, sinh ngày 15/7/2012. Xét thấy, cháu N hiện nay đang do bà P nuôi dưỡng và có nguyện vọng sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt cho con chung, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời, ông H không phải cấp dưỡng nuôi

con. Con chung anh Nguyễn Trần Anh K đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Phi H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông H xác định tự thỏa thuận nhưng bà P không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H xác định không có nhưng bà P không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ các Điều 9, 11, 12, 13 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Phi H đối với bà Trần Thị Thanh P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Phi H ly hôn bà Trần Thị Thanh P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Khôi N, sinh ngày 15/7/2012 cho bà Trần Thị Thanh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; tạm thời, ông Nguyễn Phi H không phải cấp dưỡng nuôi con. Con chung anh Nguyễn Trần Anh K đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Phi H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Phi H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000816 ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hoàng Long